TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/DS-PT
Ngày 28 - 6 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ tài sản gắn liền trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Tiến

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Ông Nguyễn Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Phạm Thị Kim Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2018, về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ tài sản gắn liền trên đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 392/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Minh H, sinh năm 1971; cư trú tại thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968, (có mặt);

Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1976, (có mặt);

Cùng cư trú tại thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Uỷ ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Chủ tịch, (có mặt).

+ Ông Ngô Hoàng Â, sinh năm 1966, (có mặt);

+ Ông Phạm Hồ C, sinh năm 1934, (có mặt);

Cùng cư trú tại thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là bà Phạm Thị Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2016 và tại các bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Minh H trình bày:

Nguyên trước đây thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12 xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi là ao nước của ông Trần Đình H. Bà xin ông H lấp ao sử dụng làm quán may đồ từ năm 1988, đến năm 2000 bà làm nhà kiên cố. Năm 2012, bà đăng ký, kê khai và nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp với diện tích là 150m^2 từ năm 2012 đến năm 2016. Tháng 11/2013 vợ chồng bà T, ông H tự ý lấn chiếm đất của bà để làm lều quán buôn bán. Hiện nay trên phần đất đang tranh chấp, ông H, bà T đã chôn trụ bê tông, lợp tôn để buôn bán trên diện tích đất 16,3m^2. Đất có vị trí, giới cận: Phía Đông giáp: Phần diện tích thửa đất số 135; phía Tây giáp: Phần diện tích thửa đất số 135; phía Nam giáp: Ruộng ông Trần Ngọc S; phía Bắc giáp: Đường nhựa.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà T phải tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại cho bà 16,3m^2 đất đã lấn chiếm.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2016, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Thu T trình bày:

Nguyên thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12 xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi trước đây là bờ Ấp chiến lược. Năm 1990 cha ông là ông Phạm Hồ C xin chính quyền địa phương làm quán bán tạp hóa. Diện tích đất ông C xin làm quán khoảng 90m^2 có chiều rộng giáp ruộng là 5m và chiều dài là 18m. Lúc đó, bà H buôn bán cùng ông C và bà H may quần áo. Năm 1999 thì lụt lớn nên quán sụp, từ đó ông C nghỉ buôn bán. Năm 2000 bà H lập gia đình nên làm nhà nhỏ trên phần đất sát phần đất của ông C làm quán trước đây. Năm 2002 bà H tự ý tháo dỡ và lấn chiếm phần lều quán bị sụp của ông C. Đến năm 2013, thì ông C cho vợ chồng ông dựng lều quán trên nền đất cũ trước đây ông C đã dựng quán nhưng bà H tranh chấp không cho vợ chồng ông làm. Do vậy vợ chồng ông làm lùi xuống diện tích đất hiện nay đang tranh chấp. Phần diện tích đất hiện nay đang tranh chấp nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông do Nhà nước quản lý chứ không phải đất của bà H vì bà H không có giấy tờ chứng minh là đất của bà H. Hiện nay, vợ chồng ông đã đổ 4 trụ bê tông, lợp tôn Fibroximăng, vợ chồng ông thống nhất giá trị tài sản theo giá của Hội đồng định giá tài sản vào ngày 17/8/2017.

Nay, bà H yêu cầu vợ chồng ông phải tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại đất cho bà H thì vợ chồng ông không đồng ý, vì đất này là đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ do Ủy ban nhân dân xã H quản lý, ông, bà chỉ làm quán buôn bán tạm thời để kiếm sống, khi nào Nhà nước có nhu cầu lấy lại đất, buộc tháo dỡ thì vợ chồng ông sẽ tháo dỡ trả lại đất cho Nhà nước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, ông Huỳnh T trình bày:

Nguyên thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12 xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc là một phần của bờ Ấp chiến lược. Đến năm 1999, thực hiện chính sách chỉnh lý, biến động trên cơ sở nền bản đồ đo vẽ theo Chỉ thị 299/TTg (Bản đồ đồ vẽ năm 1999) thửa đất này là phần đất hoang hóa (Hg) có số thửa là 728, tờ bản đồ số 5 xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, do UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi quản lý. Từ năm 1999 đến nay thửa đất số 728, tờ bản đồ số 5 nêu trên UBND xã H chưa xem xét cấp, hay giao cho cá nhân hay tổ chức nào. Nhưng trên thực tế thì bà Phạm Thị Minh H, ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Thu T là người đang sử dụng đất. Thửa đất này hiện nay hoàn toàn thuộc đất hành lang an toàn giao thông đường bộ đối với đường ĐH.54. Con đường này được xâm nhập nhựa năm 2006, cắm mốc hành lang an toàn giao thông vào năm 2010. Đến năm 2014, khi dự án Vlap về đo đạc thì bà Phạm Thị Minh H tự khai với đoàn đo đạc chứ bà H không đăng ký, kê khai gì với cơ quan Nhà nước. Phần diện tích đất 16,3 m^2 hai bên đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất 135 nằm hoàn toàn trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường bộ. Diện tích này các đương sự không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai. Về mặt quản lý hành chính, hiện nay đang thuộc quyền quản lý của UBND xã H theo Điều 8 Luật Đất đai năm 2013, bà H, ông H sử dụng đất nhưng không đăng ký kê khai với nhà nước là vi phạm khoản 6 Điều 12 Luật Đất đai. Đối với công trình xây dựng trên đất thì khi nào các cơ quan có thẩm quyền có nhu cầu mở rộng đường thì sẽ xem xét xử lý sau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Hồ C trình bày:

Ông đồng ý với trình bày của anh Phạm Văn H, nguyên diện tích đất đang tranh chấp thuộc diện tích đất của ông xin UBND xã B canh tác từ năm 1988, bà H chỉ làm theo chứ không trực tiếp xin chính quyền địa phương để làm nhà ở, diện tích đất bà H làm nhà thuộc diện tích đất mà ông đã xin Ủy ban nhân dân xã nhưng diện tích này ông chưa cải tạo sử dụng gì, cả ông C, chị H đều chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Đất đang tranh chấp hiện nay nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ do Uỷ ban nhân dân xã H quản lý, anh H, chị T chỉ làm lều buôn bán tạm, khi nào nhà nước có nhu cầu mở rộng đường buộc tháo dỡ thì các con ông sẽ chấp hành tháo dỡ trả lại đất cho nhà nước mở đường.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Hoàng Â trình bày: Ông thống nhất ý kiến của bà H.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi đã xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Thu T phải tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại 16,3m^2 đất bị lấn chiếm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 13/02/2018 và ngày 27/02/2018, bà Phạm Thị Minh H có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện N; Buộc ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Thu T phải tháo dỡ tài sản gắn liền trên đất đang tranh chấp để trả lại đất cho bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Xét thấy thửa đất số 135, tờ bản đồ số 12 xã H, huyện N thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Căn cứ Điều 8 Luật Đất đai năm 2013 thì đất này do UBND xã H quản lý chịu trách nhiệm trước nhà nước, do đó việc tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H và áp dụng khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên hủy bán án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà H làm đơn kháng cáo 02 nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; Yêu cầu vợ chồng ông H tháo dỡ vật kiến trúc trả lại đất cho bà. Việc kháng cáo của bà H là chưa phù hợp với pháp luật, vì Hội đồng xét xử phúc thẩm không có thẩm quyền cùng một lúc giải quyết 02 nội dung kháng cáo của bà H, lẽ ra cấp sơ thẩm phải yêu cầu bà sửa đổi đơn kháng cáo. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà H thay đổi nội dung kháng cáo, bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H, bà T tháo dỡ vật kiến trúc trả lại đất cho bà, như vậy bà H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Phạm Thị Minh H khai đã sử dụng đất từ năm 1988 làm quán may, cha bà là ông Phạm Hồ C có giai đoạn cũng đến quán buôn bán cùng bà. Đến năm 2000 thì bà làm nhà kiên cố, bà đã nộp thuế phi nông nghiệp với diện tích là 150m^2 từ năm 2012 đến năm 2016. Từ khi sử dụng bà không đăng ký, kê khai gì với Nhà nước, đến năm 2014 khi đoàn đo đạc của dự án Vlap về đo thì bà đã dẫn đoàn đi đo và từ đó bà có tên trong sổ mục kê. Về nguồn gốc đất là do bà xin ao nước của ông Trần Đình H, bà không thừa nhận đất do ông C xin Uỷ ban nhân dân xã.

Ông H, bà T khai nguồn gốc đất đang tranh chấp nguyên trước đây ông C xin phép chính quyền địa phương để dựng quán bán tạp hóa. Ông C buôn bán còn bà H làm nghề may, đến năm 1999 lụt lớn nên quán bị hư hỏng, ông C không làm nữa. Năm 2013 ông C cho vợ chồng ông H, bà T làm quán tạm để buôn bán trên phần đất trước kia ông C làm quán.

[2.2] Theo Ủy ban nhân dân xã H trình bày thì thửa đất 135 tờ bản đồ số 12, xã H, trước đây là một phần đất bờ Ấp chiến lược. Theo bản đồ năm 1999 là đất có số thửa 728 được ký hiệu Hg (đất hoang hóa), từ năm 1999 đến nay Ủy ban nhân dân xã chưa giao cho ai quản lý sử dụng. Đến năm 2014, khi có đoàn đo đạc thuộc dự án Vlap về đo đạc thì bà H là người đang sử dụng đất nên đã chỉ đất để đo, do đó mới hình thành số thửa là 135 tờ bản đồ số 12, xã H, diện tích 236m^2. Phần đất 16,3m^2 đang tranh chấp là một phần trong thửa đất 135 thuộc đất hành lang an toàn giao thông đường bộ do Ủy ban nhân dân xã H quản lý.

Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân huyện N cũng xác định, thửa đất số 135 là đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ, thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã H. Bà H và vợ chồng ông H, bà T sử dụng đất là không phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Xét, bà Phạm Thị Minh H, ông Phạm Hồ C, vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Thu T sử dụng phần đất tranh chấp thì đều không có đăng ký, kê khai với nhà nước. Bà H cho rằng bà có tên trong sổ mục kê, đóng thuế sử dụng đất thì đương nhiên thuộc quyền sử dụng của bà. Tuy nhiên, sổ mục kê đất đai chỉ thống kê người đang sử dụng đất, người đang sử dụng đất phải có nghĩa vụ đóng thuế sử dụng, việc đó không có nghĩa bà được công nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, có căn cứ thửa đất số 135 tờ bản đồ số 12, xã H là đất thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ tuyến đường ĐH.54, do Ủy ban nhân dân xã H quản lý theo khoản 2 Điều 8 Luật đất đai năm 2013.

Việc tranh chấp đất đai của các bên là đất công cộng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, giải quyết, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là vi phạm điểm đ khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 3.000.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng, tổng cộng 5.000.000 đồng bà Phạm Thị Minh H phải chịu, bà H đã nộp và chi phí xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 208 Luật Đất đai năm 2013, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện N về việc: "*Tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ tài sản gắn liền trên đất*" giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Minh H, bị đơn ông Phạm Văn H, bà Lê Thị Thu T và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về chi phí tố tụng: Về chí phí đo đạc là 3.000.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng, tổng cộng 5.000.000 đồng bà Phạm Thị Minh H phải chịu, bà H đã nộp và chi phí xong.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, hoàn trả cho bà số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 011593 ngày 03/10/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N và số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0000483 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Minh Tiến